

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-11-2021

V/v Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn
và tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Bút;
2. Ông Đinh Xuân Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy -Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 6 năm 2021; ngày 10 tháng 8 năm 2021; ngày 20 tháng 9 năm 2021 và ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử phiên tòa dân sự số 248/TB-TA ngày 28/4/2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử phiên tòa dân sự số 260/TB-TA ngày 04/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2021; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 414/TB-TA ngày 26/7/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2021; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 500/TB-TA ngày 10/9/2021; Quyết

định tạm ngừng phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2021; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 649/TB-TA ngày 21/10/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị S, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn*: Ông Phạm Đăng H, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: anh Phạm Quang H, sinh năm 1984; anh Phạm Quang H, sinh năm 1988; anh Phạm Đăng H, sinh năm 1990; anh Phạm Đăng H, sinh năm 1997; cùng địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; anh Phạm Đăng H, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; hiện trú tại: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*: Ngân hàng N (Agribank); địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T- chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T- chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B Quảng Ngãi (Theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); người được ủy quyền lại: Ông Đinh Văn N- chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B Quảng Ngãi (Theo Quyết định ủy quyền số 44/QĐ-NHNo.BT ngày 01/8/2020 của Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B Quảng Ngãi về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); địa chỉ trụ sở: Số 266 P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà S có mặt tại phiên tòa; ông H, anh H, anh H, anh H, anh H, anh H vắng mặt không có lý do; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B Quảng Ngãi ông Đinh Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18/02/2019, các bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày:*

Bà S và ông H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1983, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lúc đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2011 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên

cãi vã, ông H thường xuyên uống rượu say sưa, sống không chung thủy với vợ con và có hành vi bạo lực gia đình. Bà S đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H vẫn không thay đổi tính tình mà ngày càng hung bạo hơn. Đến năm 2019, để đảm bảo cho tính mạng của mình bà S đến nhà con ruột sinh sống, sau đó thuê phòng trọ ở, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà S và ông H có 05 người con chung tên là Phạm Quang H, sinh năm 1984; Phạm Quang H, sinh năm 1988; Phạm Đăng H, sinh năm 1989; Phạm Đăng H, sinh năm 1990; Phạm Đăng H, sinh năm 1997. Hiện các con đều đã trên 18 tuổi nên bà S không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung bà S khai: Trong thời gian sống chung bà S và ông H có các tài sản chung gồm:

1. Thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 2.815,3m² (trong đó có 400m² đất ở tại nông thôn và 2.415,3m² đất trồng cây hàng năm khác);

2. Một ngôi nhà cấp 4, tường rào, sân, cổng, vợ chồng xây dựng năm 1999 trên thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, tổng diện tích xây dựng là 128,4m²; 01 ngôi nhà dưới, bếp, công trình phụ vợ chồng xây dựng năm 2001. Toàn bộ số tài sản trên ông H đang quản lý, sử dụng;

3. Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 2, diện tích 112.146m² (Trong đơn khởi kiện bà S ghi đất lâm nghiệp, tọa lạc tại đồi Hoàng Ân, thôn Tân Long Hạ, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 11,5ha) và tài sản trên đất là cây keo nguyên liệu, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;

4. Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 6, diện tích 423,3m² (trong đơn khởi kiện bà S ghi thửa đất tại cầu hổ tối thuộc thôn Tân Long Hạ, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 1.000m²) và tài sản trên đất là cây keo nguyên liệu, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;

5. Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.579,8m² (trong đơn khởi kiện bà S ghi đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn Tân Long Hạ, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 0,5ha) và tài sản trên đất là cây keo nguyên liệu, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;

6. Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.214,5m² (trong đơn khởi kiện bà S ghi thửa đất tại khu ruộng len (bàn chải), thuộc thôn Tân Long Hạ, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi) và tài sản trên đất là cây keo nguyên liệu, địa chỉ: Xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;

7. Thửa đất tại khu vực núi chùa, diện tích 2.500m², địa chỉ: thôn Tân Long Hạ, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Hóc Kè, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi);

8. 01 Xe máy hiệu Sirius; 06 tủ cấp đông; 01 Máy giặt; 01 Máy tắm nước nóng; 01 Ti vi sam sung; 02 Cặp loa thùng; 01 Bộ bàn ghế salon; 01 Bộ bàn ghế chân tiện chữ U; 01 tủ áp phê; 01 Chuông bò; 02 Con bò.

9. Ngoài ra, trong quá trình nhà nước tiến hành nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến QL24 nhà nước có bồi thường, hỗ trợ đất, công trình, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên diện tích đất thu hồi 151,4m² tại thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi cho gia đình bà S, ông H số tiền là 136.288.283đ, hiện ông H đang giữ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà S rút yêu cầu khởi kiện đối với các tài sản sau gồm:

1. Một phần thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, loại đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK), diện tích đất 151,4m². Vì diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ thu hồi tại Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Phạm Đăng H để xây dựng công trình: Dự án thành phần 1 đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 24.

2. Thửa đất tại khu vực núi chùa, diện tích 2.500m², địa chỉ: thôn Tân Long Hạ, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Hóc Kè, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi).

3. Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.579,8m² (trong đơn khởi kiện bà S ghi đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn Tân Long Hạ, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 0,5ha) và tài sản trên đất là cây keo nguyên liệu, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Một phần thửa đất số 10, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 44.500m² và tài sản trên đất là cây keo nguyên liệu, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Toàn bộ cây keo nguyên liệu trên thửa đất số 21, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Toàn bộ cây keo nguyên liệu trên thửa đất số 84, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

7. 01 Xe máy hiệu Sirius; 06 Tủ cấp đông; 01 Máy giặt; 01 Máy tắm nước

nóng; 01 Ti vi sam sung; 02 Cặp loa thùng; 01 Bộ bàn ghế salon; 01 Bộ bàn ghế chân tiện chữ U; 01 Tủ áp phê; 01 Chuông bò; 02 Con bò.

Bà S yêu cầu chia hai (1/2) các tài sản gồm:

1. Diện tích đất 2.663,9m² (trong đó có 400m² đất ở tại nông thôn và 2.263,9m² đất trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi,

2. Một ngôi nhà cấp 4, tường rào, sân, cổng, vợ chồng xây dựng trên thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, tổng diện tích xây dựng là 128,4m².

3. Diện tích đất 67.646m² thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 2 và tài sản trên đất là cây keo nguyên liệu, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 423,3m².

5. Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 1.214,5m².

6. Số tiền bồi thường, hỗ trợ đất, công trình, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên diện tích đất thu hồi 151,4m² tại thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi là 136.288.283đ, hiện ông H đang giữ.

Bà S thống nhất kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án, kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản và yêu cầu chia giá trị tài sản theo biên bản định giá tài sản ngày 29/3/2021, biên bản định giá tài sản ngày 19/10/2021.

- Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2019 bà S yêu cầu chia đôi khoản nợ vay tại Ngân hàng N- Chi nhánh huyện B Quảng Ngãi số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), bà S, ông H mỗi người trả (1/2) số tiền trên. Tại Đơn trình bày ngày 25 tháng 6 năm 2021 bà S rút yêu cầu khởi kiện về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại văn bản trình bày ngày 14/3/2019; 01/4/2019 và 25/11/2020 bị đơn ông Phạm Đăng H trình bày:*

Về hôn nhân: Ông H và bà S sống chung với nhau từ năm 1980, lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 05 người con, tạo lập được nhiều tài sản có giá trị. Đến tháng 11/2017, bà S bỏ nhà đi đâu ông H không biết, ông đã

đi tìm kiếm nhưng không có kết quả. Nay ông H đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để giải phóng cho nhau, vì bà S không chịu về chung sống với ông.

Về tài sản chung: Ông Phạm Đăng H thống nhất tài sản của vợ chồng như bà S khai. Tuy nhiên, ông H không đồng ý chia các tài sản trên theo yêu cầu của bà S. Lý do ông H cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, con cái của ông H, bà S chưa có gì để làm vốn. Về đất đai, theo quy định của pháp luật phải kê khai đăng ký và muốn chuyển nhượng thì các đồng quyền sử dụng đất phải ký mới đủ thủ tục. Nay bà S muốn ly hôn thì tất cả tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân trở thành tài sản có nhiều đồng chủ sở hữu. Ông H, bà S sẽ đăng ký đồng quyền sử dụng đất sau ly hôn. Ông H yêu cầu Tòa án giữ nguyên hiện trạng để bảo toàn khối tài sản chung sau này ông H tặng cho các con chung, nếu chia ra sẽ làm tổn thất lớn đến khối tài sản chung, tránh các chi phí tố tụng không đáng có. Vì vậy, về tài sản chung ông H, bà S tự giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Quang H, anh Phạm Quang H, anh Phạm Đăng H, anh Phạm Đăng H, anh Phạm Đăng H cùng trình bày:*

Quá trình chung sống với gia đình, anh H, anh H, anh H, anh H, anh H không có đóng góp công sức gì trong các tài sản mà bà S yêu cầu chia. Toàn bộ tài sản là của bà S, ông H, vì vậy, anh H, anh H, anh H, anh H, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi của các anh và đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia các quá trình tố tụng, không tổng đạt các văn bản tố tụng.

** Ý kiến của người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B Quảng Ngãi ông Đinh Văn N:*

Bà Trần Thị S, ông Phạm Đăng H đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N tại Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV-201702119 và Ngân hàng cũng đã trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành P 973619 cấp ngày 19/12/2000 cho ông Phạm Đăng H. Ngân hàng đã có đơn xin rút đơn khởi kiện đối với bà Trần Thị S, ông Phạm Đăng H nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà S, ông H phải trả số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2020 là 109.048.958 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV-201702119 kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi bà S, ông H trả hết nợ gốc.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị S luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Đăng H không tham gia các quá trình tố tụng của Tòa án, không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, có hành vi khóa cổng cản trở việc xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án là không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, các Điều 51, 56, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 217, 218 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị S được ly hôn với ông Phạm Đăng H.

- Về con chung: Các con chung Phạm Quang H, sinh năm 1984; Phạm Quang H, sinh năm 1988; Phạm Đăng H, sinh năm 1989; Phạm Đăng H, sinh năm 1990; Phạm Đăng H, sinh năm 1997. Hiện các con đều đã trên 18 tuổi, bà S không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung:

+ Giao cho ông Phạm Đăng H được quyền sở hữu, sử dụng căn Nhà cấp IV và toàn bộ các công trình phụ, gắn liền với quyền sử dụng đất thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, diện tích 2.663,9m², địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Phạm Đăng H được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 84, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.214,5m², địa chỉ: Xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;

+ Giao cho ông Phạm Đăng H tiếp tục quản lý, sử dụng số tiền 136.288.283đ (*Một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tám ngàn hai trăm tám mươi ba đồng*).

+ Bà Trần Thị S được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 67.646m² tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi và toàn bộ cây keo trên đất.

+ Bà Trần Thị S được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 21, tờ bản đồ số 6, diện tích 423,3m², địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Trần Thị S có trách nhiệm trả cho ông Phạm Đăng H giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia số tiền là 392.205.758đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu hai trăm không năm ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng*).

+ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia các tài sản chung của bà S gồm: Diện tích đất 151,4m² thuộc thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; thửa đất tại khu vực núi chùa, diện tích 2.500m², địa chỉ: thôn Hóc Kè, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; thửa đất số 101, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: thôn Hóc Kè, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 2.579,8m² và toàn bộ cây keo trên đất; diện tích đất 44.500m² thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: thôn Hóc Kè, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi và toàn bộ cây keo trên đất; toàn bộ cây keo nguyên liệu trên thửa đất số 21, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; toàn bộ cây keo nguyên liệu trên thửa đất số 84, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; 01 Xe máy hiệu Sirius; 06 Tủ cấp đông; 01 Máy giặt; 01 Máy tắm nước nóng; 01 Ti vi sam sung; 02 Cặp loa thùng; 01 Bộ bàn ghế salon; 01 Bộ bàn ghế chân tiện chữ U; 01 Tủ áp phê; 01 Chuông bò; 02 Con bò.

- Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về chia (¹/₂) nợ chung của bà Trần Thị S.

- Ngân hàng N đã rút đơn khởi kiện đối với bà S, ông H, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà S, ông H phải trả số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2020 là 109.048.958 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV-201702119 kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi bà S, ông H trả hết nợ gốc.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí: Bà S, ông H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phạm Đăng H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Về phạm vi khởi kiện: Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2019 bà S yêu cầu chia toàn bộ thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi và căn nhà trên đất; đến ngày 20/01/2021 Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ ban hành Quyết định số 240/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Phạm Đăng H để xây dựng công trình: Dự án thành phần 1 đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 24, diện tích đất thu hồi là 151,4m² tại thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, loại đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK), đồng thời bồi thường, hỗ trợ đất, công trình, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên diện tích đất nêu trên với số tiền là 136.288.283đ, hiện ông H đang giữ. Tại phiên tòa bà S yêu cầu chia đôi số tiền nêu trên, xét thấy yêu cầu của bà S không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.4] Bị đơn ông Phạm Đăng H không tham gia các quá trình tố tụng của Tòa án, không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, có hành vi khóa cổng cản trở việc xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án là không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.5] Bị đơn ông Phạm Đăng H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Quang H, anh Phạm Quang H, anh Phạm Đăng H, anh Phạm Đăng H, anh Phạm Đăng H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N ông Đinh Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của bà Trần Thị S và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Ba Động, huyện Ba Tư có cơ sở xác định bà Trần Thị S và ông Phạm Đăng H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1983, nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quan hệ vợ chồng của bà S, ông H được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, nên căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà S thì trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, ông H thường xuyên uống rượu say sưa, sống không chung thủy với vợ con và có hành vi bạo lực gia đình, bà S và ông H đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Ông H cũng đồng ý ly hôn với bà S, điều đó chứng tỏ bà S và ông H đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà S yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà S và ông H đều xác nhận có 05 người con chung tên là Phạm Quang H, sinh năm 1984; Phạm Quang H, sinh năm 1988; Phạm Đăng H, sinh năm 1989; Phạm Đăng H, sinh năm 1990; Phạm Đăng H, sinh năm 1997. Hiện các con chung đều đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân. Bà S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã ba lần thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ vào các ngày 17/7/2019 (bút lục 144), ngày 04/3/2021 (bút lục 174) và ngày 26/8/2021, để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản trên thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4 và xem xét, thẩm định lại thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4 sau khi Ủy ban nhân dân huyện Ba Tư ban hành Quyết định thu hồi diện tích đất 151,4m², nhưng ông Phạm Đăng H khóa cổng ngăn cản, chống đối quyết liệt không cho Hội đồng xem xét, đo đạc, thẩm định tại chỗ mặc dù Tòa án đã giải thích. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã phối hợp nhân viên Công ty cổ phần đo đạc Nhà đất Cao Phú Thịnh đứng phía ngoài căn Nhà của bà S, ông H tiến hành đo đạc căn Nhà bằng máy đo toàn đạc điện tử và theo mô tả của bà S. Đối với sự chênh lệch về diện tích tại thửa đất số 76 (số thửa tạm), tờ bản đồ số 4 (theo bản đồ đo đạc của dự án Vlap năm 2013 là thửa đất số 85, tờ bản đồ số 4), kết quả đo đạc của Tòa án là 2.815,3m² và trích lục

bản đồ địa chính thửa đất số 85, tờ bản đồ số 4 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi- chi nhánh huyện Ba Tư là 4.046,7m² loại đất CLN (cây lâu năm) kèm thông báo số 503/TB-UBND ngày 07/8/2020 của UBND huyện Ba Tư thì tại biên bản làm việc ngày 08/9/2021, đại diện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi- chi nhánh huyện Ba Tư xác định kết quả đo đạc của Tòa án thửa đất số 76 (số thửa tạm), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi của bà S, ông H có diện tích là 2.815,3m², loại đất là đất ở nông thôn và trồng cây hàng năm khác là chính xác; nguyên nhân có sự chênh lệch là vì năm 2013 hộ ông H chưa làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 76 (số thửa tạm), tờ bản đồ số 4, nên hộ ông H không chỉ ranh, mốc giới cho dự án Vlap đo đạc thực tế chi tiết thửa đất, nhưng dự án Vlap (lại tự xác định) ranh, mốc giới thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85) trên bản đồ đo đạc của dự án Vlap năm 2013 và ký hiệu thửa đất của ông H là đất trồng cây lâu năm là không phù hợp; vì vậy, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi- Chi nhánh Ba Tư trích lục thửa đất số 85 của hộ ông H có diện tích là 4.046,7m² loại đất CLN (cây lâu năm) từ bản đồ đo đạc của dự án Vlap năm 2013 là không chính xác. Bà S cũng thống nhất với kết quả đo đạc của Tòa án; do đó, có cơ sở xác định thửa đất số 76 (số thửa tạm), nay là thửa đất số 85 có diện tích đo đạc thực tế là 2.815,3m².

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà S thống nhất giá trị tài sản chung của bà S và ông H theo biên bản định giá tài sản ngày 29/3/2021, biên bản định giá tài sản ngày 19/10/2021 như sau:

Thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 2.663,9m² (trong đó có 400m² đất ở tại nông thôn và 2.263,9m² đất trồng cây hàng năm khác), tổng giá trị đất là 192.444.800 đồng.

Căn Nhà cấp IV, móng đá, tường gạch, tô trát xi măng, sơn màu, cửa gỗ + kính, tổng diện tích xây dựng là 128,4m² (Nhà trên đà gỗ, mái lợp tôn kẽm, nền gạch men, cửa gỗ + kính, xây dựng năm 1999; Nhà dưới đà gỗ, mè gỗ, mái lợp ngói, nền xi măng xây dựng năm 2001); sân phơi xi măng có diện tích là 126,8m²; mái hiên kết cấu 03 trụ bê tông, đà gỗ, mái lợp tôn kẽm, nền xi măng, tổng diện tích là 18,0m², khu vực đa năng gắn liền với nhà dưới và nhà vệ sinh, đà gỗ, mè gỗ, mái lợp ngói nền xi măng, tổng diện tích là 13,2m², Nhà vệ sinh có kết cấu móng đá, tường gạch, tô trát xi măng, sơn màu, mặt trong ốp gạch men cao 1.20m, mái đổ bê tông, nền gạch men, cửa sắt + tôn, hàng rào, trụ cổng xây gạch, sơn màu, khung inox phủ lưới B40, trụ xây gạch, sơn màu, chân tường xây gạch, hàng rào chân xây gạch, có 12 trụ bê tông (kích thước 10cm x 12cm x 1,70m), kéo lưới B40 cao 1,50m, 12 trụ bê tông (kích thước 10cm x

12cm x 1,70m) kéo dây kềm gai, hàng rào chân xây gạch, có 03 trụ bê tông (kích thước 10cm x 12 cm x 1,70m) kéo lưới B40 cao 1,50m, tổng giá trị là 442.571.000đồng;

Diện tích đất 67.646m² tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi và toàn bộ cây keo trên đất, tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 1.576.176.000đồng.

Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 423,3m², có giá trị là 13.545.600đồng.

Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 1.214,5m², có giá trị là 34.006.000đồng.

Số tiền bồi thường, hỗ trợ đất, công trình, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên diện tích đất thu hồi 151,4m² tại thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi là 136.288.283đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tám ngàn hai trăm tám mươi ba đồng*).

[2.4.1] Như vậy tổng giá trị tài sản chung nêu trên của bà S và ông H là 2.395.031.683đồng. Xét về công sức đóng góp để tạo lập lên khối tài sản chung, Hội đồng xét xử thấy giữa bà S và ông H đều có công sức đóng góp ngang nhau, vì vậy cần phải chia đôi khối tài sản chung này cho mỗi bên hưởng ½ giá trị là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2.4.2] Về phân chia tài sản chung giữa bà S và ông H Hội đồng xét xử căn cứ ý kiến của bà S tại phiên tòa, căn cứ theo điều kiện thực tế việc sử dụng tài sản chung liên quan đến cuộc sống, nguyện vọng, nhu cầu sử dụng và khả năng của từng người sau khi ly hôn để quyết định giao nhà, đất cho các bên được quyền sở hữu, sử dụng, đồng thời người được quyền sử dụng tài sản phải có trách nhiệm thanh toán giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia cho người không được nhận bằng hiện vật, cụ thể như sau:

[2.4.2.1] Giao cho ông Phạm Đăng H quản lý, sử dụng các tài sản sau:

- Thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4 và tài sản trên đất gồm: căn Nhà cấp IV, móng đá, tường gạch, tô trát xi măng, sơn màu, cửa gỗ + kính, tổng diện tích xây dựng là 128,4m² (Nhà trên đà gỗ, mái lợp tôn kềm, nền gạch men, cửa gỗ + kính, xây dựng năm 1999; Nhà dưới đà gỗ, mè gỗ, mái lợp ngói, nền xi măng xây dựng năm 2001); sân phơi xi măng có diện tích là 126,8m²; mái hiên kết cấu 03 trụ bê tông, đà gỗ, mái lợp tôn kềm, nền xi măng, tổng diện tích là 18,0m², khu vực đa năng gắn liền với nhà dưới và nhà vệ sinh, đà gỗ, mè gỗ, mái lợp ngói nền xi măng, tổng diện tích là 13,2m²,

Nhà vệ sinh có kết cấu móng đá, tường gạch, tô trát xi măng, sơn màu, mặt trong ốp gạch men cao 1.20m, mái đổ bê tông, nền gạch men, cửa sắt + tôn, hàng rào, trụ cổng xây gạch, sơn màu, khung inox phủ lưới B40, trụ xây gạch, sơn màu, chân tường xây gạch, hàng rào chân xây gạch, có 12 trụ bê tông (kích thước 10cm x 12cm x 1,70m), kéo lưới B40 cao 1,50m, 12 trụ bê tông (kích thước 10cm x 12cm x 1,70m) kéo dây kẽm gai, hàng rào chân xây gạch, có 03 trụ bê tông (kích thước 10cm x 12 cm x 1,70m) kéo lưới B40 cao 1,50m.

- Thừa đất số 84, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 1.214,5m².

- Số tiền bồi thường, hỗ trợ đất, công trình, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên diện tích đất thu hồi 151,4m² tại thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi là 136.288.283đồng.

[2.4.2.2] Giao cho bà Trần Thị S được quyền quản lý, sử dụng các tài sản sau:

Toàn bộ diện tích đất 67.646m² tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi và toàn bộ cây keo trên đất.

Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 423,3m².

(Phần đất chia cho các đương sự quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

[2.4.3] Như vậy, tổng giá trị tài sản bà S được giao quản lý, sử dụng là 1.589.721.600đ; tổng giá trị tài sản ông H được giao quản lý, sử dụng là 805.310.083đ. Bà S có trách nhiệm thối lại giá trị tài sản chênh lệch được nhận cho ông H với số tiền (2.395.031.683đ : 2) - 805.310.083đ = 392.205.758đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu hai trăm không năm ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng*).

[2.4.4] Tại các bản trình bày 19/6/2019, bản trình bày ngày 27/9/2019, Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung ngày 17/3/2021, Đơn trình bày ngày 25/6/2021 và tại phiên tòa bà S rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, rút yêu cầu khởi kiện về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia các tài sản chung của bà S gồm: Diện tích đất 151,4m² tại thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; thửa đất tại khu vực núi chùa, diện tích 2.500m², địa chỉ: thôn Hóc Kè, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; thửa đất số 101, tờ bản đồ số 6,

địa chỉ: thôn Hóc Kè, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 2.579,8m² và toàn bộ cây keo trên đất; diện tích đất 44.500m² tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: thôn Hóc Kè, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi và toàn bộ cây keo trên đất; toàn bộ cây keo nguyên liệu trên thửa đất số 21, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; toàn bộ cây keo nguyên liệu trên thửa đất số 84, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; 01 Xe máy hiệu Sirius; 06 Tủ cấp đông; 01 Máy giặt; 01 Máy tắm nước nóng; 01 Ti vi sam sung; 02 Cặp loa thùng; 01 Bộ bàn ghế salon; 01 Bộ bàn ghế chân tiện chữ U; 01 Tủ áp phê; 01 Chuông bò; 02 Con bò; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về nợ chung của bà S.

[2.4.5] Ngày 16/3/2021 Tòa án nhận được đơn xin rút đơn khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng N đối với bà S, ông H, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà S, ông H phải trả số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2020 là 109.048.958 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV-201702119 kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi bà S, ông H trả hết nợ gốc.

[2.4.6] Anh Phạm Quang H, anh Phạm Quang H, anh Phạm Đăng H, anh Phạm Đăng H, anh Phạm Đăng H không yêu cầu giải quyết quyền lợi của các anh trong việc chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4.7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị S đã nộp tạm ứng số tiền 25.000.000đ, Tòa án đã chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng số tiền: 24.941.000đ (*Hai mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi mốt ngàn đồng*), tài sản chung của bà S, ông H được chia $\frac{1}{2}$ nên mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 24.941.000đ : 2 = 12.470.500đ, bà S đã nộp và chi phí xong nên ông H phải trả lại cho bà S số tiền 12.470.500đ. Đối với khoản tiền nộp thừa 59.000đ, Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ đã hoàn trả lại cho bà S.

[2.5] Về án phí sơ thẩm:

Bà S phải chịu số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản chung được chia là $(800.000.000đ \times 4,5\%) + (397.515.841đ \times 3\%) = 47.925.475đ$ đồng.

Ông Phạm Đăng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản chung được chia là $(800.000.000đ \times 4,5\%) + (397.515.841đ \times 3\%) = 47.925.475đ$ đồng.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 70, 71, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điều 51, 56, 59 và Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213, 218, 219 và Điều 220 của Bộ luật dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị S và ông Phạm Đăng H.

2. Về nuôi con chung: Các con chung Phạm Quang H, sinh năm 1984; Phạm Quang H, sinh năm 1988; Phạm Đăng H, sinh năm 1989; Phạm Đăng H, sinh năm 1990; Phạm Đăng H, sinh năm 1997, hiện đã trên 18 tuổi. Bà S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung:

- Giao cho ông Phạm Đăng H được quyền sở hữu, sử dụng căn Nhà cấp IV, móng đá, tường gạch, tô trát xi măng, sơn màu, cửa gỗ + kính, tổng diện tích xây dựng là 128,4m² (Nhà trên đà gỗ, mái lợp tôn kẽm, nền gạch men, cửa gỗ + kính, xây dựng năm 1999; Nhà dưới đà gỗ, mè gỗ, mái lợp ngói, nền xi măng xây dựng năm 2001); sân phơi xi măng có diện tích là 126,8m²; mái hiên kết cấu 03 trụ bê tông, đà gỗ, mái lợp tôn kẽm, nền xi măng, tổng diện tích là 18,0m², khu vực đa năng gắn liền với nhà dưới và nhà vệ sinh, đà gỗ, mè gỗ, mái lợp ngói nền xi măng, tổng diện tích là 13,2m², Nhà vệ sinh có kết cấu móng đá, tường gạch, tô trát xi măng, sơn màu, mặt trong ốp gạch men cao 1.20m, mái đổ bê tông, nền gạch men, cửa sắt + tôn, hàng rào, trụ cổng xây gạch, sơn màu, khung inox phủ lưới B40, trụ xây gạch, sơn màu, chân tường xây gạch, hàng rào chân xây gạch, có 12 trụ bê tông (kích thước 10cm x 12cm x 1,70m), kéo dây lưới B40 cao 1,50m, 12 trụ bê tông (kích thước 10cm x 12cm x 1,70m) kéo dây kẽm gai, hàng rào chân xây gạch, có 03 trụ bê tông (kích thước 10cm x 12 cm x 1,70m) kéo lưới B40 cao 1,50m, gắn liền với quyền sử dụng đất thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, diện tích 2.663,9m², địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; có tứ cận: Phía Đông giáp: Thửa đất số 75; phía Tây giáp: Thửa đất số 7; phía Nam giáp: Thửa đất số 8, thửa đất số 10; phía Bắc giáp: Đường quốc lộ 24.

- Ông Phạm Đăng H được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 84, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.214,5m², địa chỉ: Xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; có tứ cận: Phía Đông giáp: Sông Liên, có chiều dài 13.89m; phía Tây giáp: Thửa đất số 74, có chiều dài 34.66m; phía Nam giáp: Sông Liên, thửa đất số 75, có chiều dài 9.49m + 9.22m + 37.01m + 10.44m + 7.07m + 9.90m + 9.43m; phía Bắc giáp: Thửa đất số 74, có chiều dài 10.00m + 5.83m + 13.45m.

- Giao cho ông Phạm Đăng H tiếp tục quản lý, sử dụng số tiền 136.288.283đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tám ngàn hai trăm tám mươi ba đồng*).

- Bà Trần Thị S được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 67.646m² tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi và toàn bộ cây keo trên đất; M7 có tọa độ (X: 1641896.89 – Y: 585227.69), M8 có tọa độ (X: 1641862.48 – Y: 585271.14), M9 có tọa độ (X: 1641856.46 – Y: 585269.22), M10 có tọa độ (X: 1641824.86 – Y: 585224.66), M11 có tọa độ (X: 1641775.80 – Y: 585219.32), M12 có tọa độ (X: 1641734.54 – Y: 585198.88), M13 có tọa độ (X: 1641690.62 – Y: 585204.46), M14 có tọa độ (X: 1641688.74 – Y: 585213.49), M15 có tọa độ (X: 1641687.92 – Y: 585226.50), M16 có tọa độ (X: 1641686.38 – Y: 585186.53), M17 có tọa độ (X: 1641697.88 – Y: 585149.38), M18 có tọa độ (X: 1641698.77 – Y: 585141.37), M19 có tọa độ (X: 1641684.98 – Y: 585156.55), M20 có tọa độ (X: 1641675.35 – Y: 585109.69), M21 có tọa độ (X: 1641681.96 – Y: 585080.61), M22 có tọa độ (X: 1641658.94 – Y: 585078.92), M40 có tọa độ (X: 1641658.12 – Y: 585050.92), M41 có tọa độ (X: 1641721.00 – Y: 584909.00); M42 có tọa độ (X: 1641748.00 – Y: 584876.00), M43 có tọa độ (X: 1641811.00 – Y: 584928.00), M44 có tọa độ (X: 1641833.00 – Y: 584954.00), M45 có tọa độ (X: 1641876.00 – Y: 584991.00), M46 có tọa độ (X: 1641954.00 – Y: 585046.00), M47 có tọa độ (X: 1641980.00 – Y: 585059.00), M48 có tọa độ (X: 1641982.00 – Y: 585068.00), M49 có tọa độ (X: 1641955.00 – Y: 585065.00), M50 có tọa độ (X: 1641942.00 – Y: 585056.00), M51 có tọa độ (X: 1641898.00 – Y: 585051.00), M52 có tọa độ (X: 1641904.00 – Y: 585099.00), M53 có tọa độ (X: 1641935.00 – Y: 585132.00), M54 có tọa độ (X: 1641931.00 – Y: 585159.00), M55 có tọa độ (X: 1641920.00 – Y: 585185.00), M56 có tọa độ (X: 1641905.00 – Y: 585201.00).

- Bà Trần Thị S được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 21, tờ bản đồ số 6, diện tích 423,3m², địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; có tứ cận: Phía Đông giáp: Mương nước, có chiều dài 7.87m + 7.23m; phía Tây giáp: Thửa đất số 37, có chiều dài 7.26m + 9.30m; phía Nam giáp: Thửa đất số 19,

thửa đất số 25, có chiều dài 1.41m + 4.47m + 1.35m + 1.93m + 5.70m + 16.06m + 0.95m; phía Bắc giáp: Đường Quốc lộ 24, có chiều dài 27.87m.

(Phần đất chia cho các đương sự quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

4. Bà Trần Thị S có trách nhiệm trả cho ông Phạm Đăng H giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia số tiền là 392.205.758 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu hai trăm không năm ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng*).

5. Bà Trần Thị S, ông Phạm Đăng H được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích nhà và đất được chia nêu trên.

6. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia các tài sản chung của bà S gồm: Diện tích đất 151,4m² tại thửa đất số 76 (số thửa tạm) (nay là thửa đất số 85), tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; thửa đất tại khu vực núi chùa, diện tích 2.500m², địa chỉ: thôn Hóc Kè, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; thửa đất số 101, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: thôn Hóc Kè, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 2.579,8m² và toàn bộ cây keo trên đất; diện tích đất 44.500m² tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: thôn Hóc Kè, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi và toàn bộ cây keo trên đất; toàn bộ cây keo nguyên liệu trên thửa đất số 21, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; toàn bộ cây keo nguyên liệu trên thửa đất số 84, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; 01 Xe máy hiệu Sirius; 06 Tủ cấp đông; 01 Máy giặt; 01 Máy tắm nước nóng; 01 Ti vi sam sung; 02 Cặp loa thùng; 01 Bộ bàn ghế salon; 01 Bộ bàn ghế chân tiện chữ U; 01 Tủ áp phê; 01 Chuông bò; 02 Con bò.

7. Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia hai khoản nợ tại Ngân hàng N- Chi nhánh huyện B Quảng Ngãi số tiền 100.000.000đ của bà Trần Thị S.

8. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu bà S, ông H phải trả số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2020 là 109.048.958 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV-201702119 kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi bà S, ông H trả hết nợ gốc.

9. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc ông Phạm Đăng H phải hoàn trả lại tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho bà Trần Thị S số tiền 12.470.500đ (*Mười hai triệu bốn trăm bảy mươi ngàn năm trăm đồng*).

10. Về án phí:

- Bà Trần Thị S phải chịu số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 47.925.475đ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản chung được chia, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ và số tiền 14.500.000đ bà S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 011446 ngày 07/3/2019 và biên lai thu tiền số 011447 ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Bà S còn phải nộp số tiền 33.425.475đ (*Ba mươi ba triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng*).

- Ông Phạm Đăng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản chung được chia là 47.925.475đ (*Bốn mươi bảy triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng*).

- Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 2.726.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004878 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ.

11. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

12. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 19/11/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Văn Ngoan